

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỘC NINH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 36/2018/HNGĐ – ST

Ngày 27-8-2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Bà Trần Xuân Đạm

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 186/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 7 năm 2018 quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐHPT ngày 06/8/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thị N**, sinh năm: 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Mai, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Anh **Điều N**, sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Măng Cải, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 4 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N tự nguyện chung sống với anh Điều N từ năm 2010, có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Trước khi chung sống tìm hiểu khoảng 01 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại ấp Tân Mai, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng

do anh Điều N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay Chị N xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị N và anh N có 02 con chung tên là Thị T, sinh ngày 10/02/2010 và Điều Gia B, sinh ngày 27/12/2015. Khi ly hôn Chị N yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi và hiện tại Chị N không có thai với anh N.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N tự xác định là không có và cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

*Trong quá trình giải quyết vụ án - Bị đơn anh N trình bày:* anh N thống nhất với Chị N về quan hệ hôn nhân, con chung. Theo anh N anh có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng đã chấm dứt và có muốn sửa chữa lỗi lầm để trở về sống với vợ con. Nay Chị N yêu cầu ly hôn với anh N thì anh N không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị N vì vẫn còn thương yêu vợ con. Trong trường hợp ly hôn thì anh N yêu cầu được nuôi 02 con chung tên là Thị T, sinh ngày 10/02/2010 và Điều Gia B, sinh ngày 27/12/2015 và yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 1.500.000đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: anh N tự xác định là không có và cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

***Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân tuân thủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị N. Cho Chị N được ly hôn với anh N.

Về con chung: Do cháu Thị T có nguyện vọng sống với Chị N và anh N thừa nhận từ cuối năm 2017 cho đến nay không gửi tiền về cho vợ để nuôi dưỡng con chung do tiền lương của anh N không đủ sống, mặt khác cháu Điều Gia B còn nhỏ (sinh ngày 27/12/2015). Vì vậy, yêu cầu được nuôi dưỡng 2 con chung của Chị N là có cơ sở chấp nhận. Do đó, giao cho Chị N nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với anh Điều N, vì vậy yêu cầu của Chị N được quy định tại khoản 1 Điều 28

của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Điều N có hộ khẩu và làm ăn sinh sống tại ấp Măng Cải, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, được quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nga, sinh năm: 1986 và anh N, sinh năm: 1990 tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 2013, do đó về quan hệ hôn nhân giữa Chị N và anh N là hợp pháp. Quá trình sống chung giữa Chị N và anh N có phát sinh mâu thuẫn do anh N có tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016. Quá trình giải quyết vụ án, Chị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Chị N xác định không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu được ly hôn với anh N. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa Chị N và anh N đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị N

Về con chung: Chị N và anh N có 02 con chung tên là Thị T, sinh ngày 10/02/2010 và Điều Gia B, sinh ngày 27/12/2015. Khi ly hôn Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. anh N cũng có yêu cầu được nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Do cháu Thị T có nguyện vọng sống với Chị N, quá trình giải quyết vụ án anh N thừa nhận từ cuối năm 2017 cho đến nay không gửi tiền về cho vợ để nuôi dưỡng con chung do tiền lương của anh N không đủ sống, mặt khác cháu Điều Gia B còn nhỏ (sinh ngày 27/12/2015). Vì vậy, yêu cầu được nuôi dưỡng 2 con chung của Chị N là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con của Chị N, giao cho Chị N nuôi dưỡng 02 con chung.

Chị N không yêu cầu anh Điều N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem

[2] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy Chị N phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng: Điều 39 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1/ Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Thị N

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thị N được ly hôn với anh Điều N.

- Về con chung: Giao cháu Thị T, sinh ngày 10/02/2010 và Điều Gia B, sinh ngày 27/12/2015 cho chị Thị N nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2/ Về án phí: Chị Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số: 0005868 ngày 21/3/2018.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Minh**

